

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 – 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 – 63

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo hai mươi bảy (27) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ 25 vào ngày 5 tháng 2 năm 2015 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh buôn bán thức ăn gia súc (Mã ngành 4620).

Điều chỉnh lần thứ 26 vào ngày 16 tháng 4 năm 2015 phê duyệt việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Điều chỉnh lần thứ 27 vào ngày 18 tháng 6 năm 2015 phê duyệt việc bổ sung mã ngành kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp (Mã ngành 5210, 0163 và 1079).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có chín công ty con trực tiếp, hai công ty liên kết và bốn chi nhánh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; trồng và kinh doanh cao su, hồ tiêu và các loại cây trồng khác; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Sự	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2015
Ông Pornchai Lueang-a-papong	Thành viên	mãn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Lâm Hoàng Hải	Trưởng Ban	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Sự	Tổng Giám đốc	mãn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Trường Sơn	bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Sự	mãn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 14.1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng lẻ.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 8 năm 2015



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Building a better
working world

Số tham chiếu: 60752790/ 17793928/LR

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 63 bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập Đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó và báo cáo kết quả công tác soát xét của chúng tôi đề ngày 4 tháng 9 năm 2015 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến vấn đề này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2013-004-1

Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 9 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.502.993.955	5.241.413.414
110	I. Tiền		743.320.197	601.272.163
111	1. Tiền	4	743.320.197	601.272.163
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.346.788.625	4.233.468.729
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	903.579.232	376.927.071
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	179.294.534	151.781.582
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.235.695.000	2.605.187.503
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.028.219.859	1.099.606.779
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(34.206)
140	III. Hàng tồn kho		329.108.124	309.065.841
141	1. Hàng tồn kho	8	329.108.124	309.065.841
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		83.777.009	97.606.681
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		605.207	4.653.327
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.190.449	11.170.114
155	3. Tài sản ngắn hạn khác	9	81.981.353	81.783.240
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		21.597.396.657	17.908.941.293
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.622.197.040	8.191.042.904
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	9.360.428.260	7.971.021.244
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	261.768.780	220.021.660
220	II. Tài sản cố định		268.694.300	432.076.145
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	253.775.528	379.235.897
222	Nguyên giá		333.497.869	489.532.279
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(79.722.341)	(110.296.382)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	14.918.772	52.840.248
228	Nguyên giá		20.371.973	57.360.406
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.453.201)	(4.520.158)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	14.001.101	95.434.635
231	1. Nguyên giá		15.001.180	96.184.694
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.000.079)	(750.059)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		169.641.975	78.727.897
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	169.641.975	78.727.897
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	14	11.508.356.676	9.095.874.286
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	11.437.505.856	8.824.915.498
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	16.850.000	238.962.500
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3	54.000.820	31.996.288
260	VI. Tài sản dài hạn khác		14.505.565	15.785.426
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	14.505.565	15.785.426
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		26.100.390.612	23.150.354.707

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		13.972.248.552	11.434.968.546
310	I. Nợ ngắn hạn		7.631.173.904	5.846.110.498
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	290.526.660	65.146.222
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	2.133.279.930	891.109.572
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	102.353.536	19.230.207
314	4. Phải trả người lao động		14.884.438	9.614.077
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	322.605.546	251.851.172
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	804.392.789	944.557.436
320	7. Vay ngắn hạn	20	3.947.345.991	3.611.437.595
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		15.785.014	53.164.217
330	II. Nợ dài hạn		6.341.074.648	5.588.858.048
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	1.385.096
338	2. Vay dài hạn	20	6.334.491.284	5.580.874.703
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		6.583.364	6.598.249
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.128.142.060	11.715.386.161
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	12.128.142.060	11.715.386.161
411	1. Vốn cổ phần		7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.899.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		271.279.633	249.756.283
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		418.790.813	27.558.264
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		27.381.864	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		391.408.949	27.558.264
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		26.100.390.612	23.150.354.707

Người lập
Nguyễn Thị Đỗ Quyên

Kế toán trưởng
Hò Thị Kim Chi

Tổng Giám đốc
Võ Trường Sơn





Ngày 31 tháng 8 năm 2015


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.284.428.290	580.732.801
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(35.528)	(904.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.284.392.762	579.828.801
11	4. Giá vốn hàng bán	23	(812.113.408)	(450.386.652)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		472.279.354	129.442.149
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	558.161.708	467.707.725
22	7. Chi phí tài chính	24	(559.857.650)	(478.381.929)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(557.827.675)	(446.843.452)
25	8. Chi phí bán hàng		(24.279.981)	(33.976.265)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(54.225.279)	(49.292.389)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		392.078.152	35.499.291
31	11. Thu nhập khác	25	157.555.099	2.090.171
32	12. Chi phí khác	25	(1.590.057)	(1.554.893)
40	13. Lợi nhuận khác	25	155.965.042	535.278
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		548.043.194	36.034.569
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	(117.576.196)	(8.611.110)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		430.466.998	27.423.459


Người lập
Nguyễn Thị Đỗ Quyên


Kế toán trưởng
Hồ Thị Kim Chi


Tổng Giám đốc
Võ Trường Sơn



Ngày 31 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		548.043.194	36.034.569
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	10,11,12	9.835.471	12.442.313
03	Các khoản dự phòng		(34.206)	30.785.150
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ		(10.914.792)	(6.478.643)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(834.742.840)	(459.669.221)
06	Chi phí lãi vay	24	557.827.675	446.843.452
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		270.014.502	59.957.620
09	Tăng các khoản phải thu		(311.124.135)	(148.061.053)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(20.042.283)	54.799.729
11	Tăng các khoản phải trả		1.351.654.020	276.870.383
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		5.197.644	(10.942.289)
14	Tiền lãi vay đã trả		(585.991.601)	(283.872.577)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26	(57.874.212)	(44.836.922)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.361.096)	(5.308.618)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		645.472.839	(101.393.727)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(10.961.629)	(14.414.930)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		394.178.238	159.580
23	Tiền chi cho vay		(3.736.550.404)	(3.028.128.218)
24	Tiền thu hồi cho vay		3.028.445.680	1.557.959.012
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(2.560.754.793)	(226.574.600)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		702.301.393	161.134.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		307.178.371	325.760.126
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.876.163.144)	(1.224.105.030)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		2.630.402.488	3.396.197.984
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.257.664.149)	(2.084.764.582)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.372.738.339	1.311.433.402

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		142.048.034	(14.065.355)
60	Tiền đầu kỳ	4	601.272.163	1.547.434.971
70	Tiền cuối kỳ	4	743.320.197	1.533.369.616



Người lập
Nguyễn Thị Đỗ Quyên



Kế toán trưởng
Hồ Thị Kim Chi



Tổng Giám đốc
Võ Trường Sơn

Ngày 31 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo hai mươi bảy (27) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ 25 vào ngày 5 tháng 2 năm 2015 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh buôn bán thức ăn gia súc (Mã ngành 4620).

Điều chỉnh lần thứ 26 vào ngày 16 tháng 4 năm 2015 phê duyệt việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Điều chỉnh lần thứ 27 vào ngày 18 tháng 6 năm 2015 phê duyệt việc bổ sung mã ngành kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp (Mã ngành 5210, 0163 và 1079).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có chín công ty con trực tiếp, hai công ty liên kết và bốn chi nhánh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; trồng và kinh doanh cao su, hồ tiêu và các loại cây trồng khác; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 221 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 214).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 14.1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.5 *Thông tin so sánh*

Các thông tin và số liệu kế toán giữa các kỳ kế toán được trình bày mang tính so sánh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 31.

3.2 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Cần hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng cần hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành cần hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	50 năm
---------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cây cao su và vườn cây hồ tiêu của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây cao su và hồ tiêu

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.10 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.11 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên hay giảm đi trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ Quỹ phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.20 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính chưa được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản nợ, vay và trái phiếu.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.23 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

3.24 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	Ngàn VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Tiền gửi ngân hàng (*)	740.831.235	598.599.684
Tiền mặt tại quỹ	2.488.962	2.663.448
Tiền đang chuyển	-	9.031
TỔNG CỘNG	<u>743.320.197</u>	<u>601.272.163</u>

(*) Công ty đã thế chấp 234.200.000 ngàn VNĐ nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của công ty con và trái phiếu của Công ty (Thuyết minh số 20) (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: 194.000.000 ngàn VNĐ).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Ngàn VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải thu từ khách hàng	411.854.176	191.393.496
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hồng Lam	194.941.818	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	216.912.358	191.393.496
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	491.725.056	185.533.575
TỔNG CỘNG	<u>903.579.232</u>	<u>376.927.071</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Trả trước cho người bán	96.781.889	57.212.962
Trong đó:		
<i>Công ty Cổ phần Tân Hoàn Mai</i>	30.218.654	29.646.304
<i>Công ty Cổ phần Hum</i>	27.149.048	-
<i>Các khoản trả trước khác</i>	39.414.187	27.566.658
Trả trước cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	82.512.645	94.568.620
TỔNG CỘNG	179.294.534	151.781.582

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn nhân viên (i)	522.512.000	205.232.912
Cho vay ngắn hạn các công ty	452.370.000	494.230.015
Cho vay ngắn hạn Chính phủ Lào - Làng vận động viên SeaGames	-	27.488.988
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	260.813.000	1.878.235.588
	1.235.695.000	2.605.187.503
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các công ty	2.391.919.587	1.613.869.736
Trong đó:		
<i>Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai</i>	1.130.000.000	500.000.000
<i>Cho vay dài hạn các công ty khác (ii)</i>	1.261.919.587	1.113.869.736
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iv)	520.546.095	468.094.619
Cho vay dài hạn nhân viên (i)	205.826.890	-
Cho vay dài hạn các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	6.242.135.688	5.889.056.889
Trong đó:		
<i>Công Ty Cổ phần Đầu tư bất động sản An Phú ("An Phú") (iii)</i>	3.401.185.936	3.807.185.936
<i>Cho vay dài hạn các bên liên quan khác</i>	2.840.949.752	2.081.870.953
	9.360.428.260	7.971.021.244
TỔNG CỘNG	10.596.123.260	10.576.208.747

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho nhân viên có thời hạn hoàn trả từ 3 đến 36 tháng tính từ ngày giải ngân, có lãi suất theo lãi suất thị trường và được rà soát, điều chỉnh 6 tháng một lần. Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, các khoản cho vay ngắn hạn nhân viên đã được thu hồi đầy đủ.

(ii) Cho vay dài hạn các công ty khác thể hiện khoản cho vay dài hạn tín chấp các công ty khác với thời hạn hoàn trả từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 5 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 10,0% đến 15,1%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(iii) Đây là các khoản cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013 ("Hợp đồng 1") và hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2014 ("Hợp đồng 2"), chi tiết như sau:

Hợp đồng 1 được bảo đảm bởi Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay (ngày 1 tháng 10 năm 2013) và có lãi suất trong kỳ là 9,5%/năm (2014: 13%/năm). Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 1510/2013/HĐCC/HAGL-AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, cổ phần và vốn góp của An Phú trong các công ty con của An Phú sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

Hợp đồng 2 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 650 tỷ VNĐ và có lãi suất trong kỳ là 9,5%/năm (2014: 13%/năm).

Phát sinh trong kỳ của khoản phải thu cho vay dài hạn từ An Phú và chi phí lãi tương ứng được chi tiết như sau:

Gốc vay	Hợp đồng 1		Hợp đồng 2		Ngàn VNĐ	
						Tổng cộng
Số đầu kỳ	3.462.185.936		345.000.000			3.807.185.936
Tăng trong kỳ	44.000.000		-			44.000.000
Trả trong kỳ	(450.000.000)		-			(450.000.000)
Số cuối kỳ	3.056.185.936		345.000.000			3.401.185.936

Lãi vay	Hợp đồng 1		Hợp đồng 2		Ngàn VNĐ	
						Tổng cộng
Số đầu kỳ	255.333.154		19.435.000			274.768.154
Tăng trong kỳ	158.900.049		16.478.542			175.378.591
Số cuối kỳ (*)	414.233.203		35.913.542			450.146.745

(*) Số dư này được bao gồm trong khoản phải thu lãi cho vay được trình bày trong Thuyết minh số 7.

(iv) Khoản cho Chính phủ Lào vay – Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai, chi tiết như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Nợ gốc đầu kỳ (USD)	21.900.188	5.523.976
Tăng trong kỳ (USD)	2.000.000	16.376.212
Nợ gốc cuối kỳ (USD)	23.900.188	21.900.188
Nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VNĐ)	520.546.095	466.444.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	30 tháng 6 năm 2015	Ngàn VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Phải thu lãi cho vay	825.206.036	718.863.275
Phải thu từ hợp đồng ủy thác (i)	84.341.106	68.932.500
Tạm ứng cho nhân viên	16.307.528	16.434.079
Phải thu khác	102.365.189	295.376.925
	1.028.219.859	1.099.606.779
Trong đó:		
<i>Phải thu khác các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	787.982.470	905.230.754
<i>Phải thu các bên khác</i>	240.237.389	194.376.025
Dài hạn		
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") (ii)	261.254.100	219.554.100
Ký quỹ, ký cược dài hạn	514.680	467.560
	261.768.780	220.021.660
TỔNG CỘNG	1.289.988.639	1.319.628.439

- (i) Đây là khoản phải thu Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, liên quan tới chi phí thuê mua một máy bay Embraer Legacy 600 ("Máy Bay") với Công ty Cổ phần Hàng Không Lương Dụng Ngôi Sao Việt ("VSA") theo hợp đồng Ủy thác Đầu tư ngày 8 tháng 10 năm 2014. Theo đó, Ông Đoàn Nguyên Đức sẽ trở thành chủ sở hữu chiếc máy bay và có quyền khai thác cũng như quyền sử dụng Máy Bay theo quy định pháp luật hiện hành. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện khoản tiền đặt cọc thuê mua Máy Bay cho VSA (Thuyết minh số 27).
- (ii) Thể hiện khoản hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đông Mía để đầu tư vào Dự án trồng 9.173 ha cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Koun Mom, Tỉnh Rattanakiri, Vương quốc Campuchia theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 0103/2014/HAGL-ADM/HĐHTĐT ngày 1 tháng 3 năm 2014. Theo đó, Công ty sẽ góp 88% tổng vốn đầu tư Dự án. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 dự án vẫn đang trong giai đoạn triển khai thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	30 tháng 6 năm 2015	Ngàn VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
Giá trị các căn hộ đang xây để bán (i)	160.839.205	206.774.904
Thành phẩm	15.564.892	12.617.847
Hàng hóa	56.574.299	17.740.810
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	92.974.929	55.012.072
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	75.278.859	41.376.750
<i>Hoạt động sản xuất</i>	17.660.070	13.599.322
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	36.000	36.000
Nguyên vật liệu	244.117	9.024.930
Vật liệu xây dựng	2.856.301	7.285.010
Công cụ, dụng cụ	54.381	610.268
TỔNG CỘNG	329.108.124	309.065.841

(i) Trong giá trị các căn hộ đang xây để bán, dự án Bà Thạc Giản trị giá 134.615.924 ngàn VNĐ đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (*Thuyết minh số 20*).

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện giá trị tài sản ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập báo cáo này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vườn cây lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Ngân VNĐ Tổng cộng</i>
Nguyên giá							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	387.771.139	61.184.757	28.147.999	4.057.151	6.689.440	1.681.793	489.532.279
Mua trong kỳ	-	1.615.819	13.510.550	358.382	-	-	15.484.751
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang	731.918	-	-	-	-	-	731.918
Thanh lý trong kỳ	(148.558.596)	(19.246.112)	(1.594.695)	(1.277.943)	-	(1.573.733)	(172.251.079)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>239.944.461</u>	<u>43.554.464</u>	<u>40.063.854</u>	<u>3.137.590</u>	<u>6.689.440</u>	<u>108.060</u>	<u>333.497.869</u>
Giá trị hao mòn lũy kế							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	61.445.897	25.721.261	15.529.487	2.664.536	3.811.740	1.123.461	110.296.382
Khấu hao trong kỳ	4.060.256	2.313.935	1.583.640	205.956	479.616	9.005	8.652.408
Thanh lý trong kỳ	(24.877.402)	(11.026.343)	(1.162.131)	(1.041.615)	-	(1.118.958)	(39.226.449)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>40.628.751</u>	<u>17.008.853</u>	<u>15.950.996</u>	<u>1.828.877</u>	<u>4.291.356</u>	<u>13.508</u>	<u>79.722.341</u>
Giá trị còn lại							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>326.325.242</u>	<u>35.463.496</u>	<u>12.618.512</u>	<u>1.392.615</u>	<u>2.877.700</u>	<u>558.332</u>	<u>379.235.897</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>199.315.710</u>	<u>26.545.611</u>	<u>24.112.858</u>	<u>1.308.713</u>	<u>2.398.084</u>	<u>94.552</u>	<u>253.775.528</u>
<i>Trong đó:</i>							
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của công ty con</i>	199.315.710	26.545.611	-	-	2.398.084	-	228.259.405
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	418.021	963.596	228.486	-	-	1.610.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	42.188.433	15.171.973	57.360.406
Thanh lý trong kỳ	<u>(36.988.433)</u>	-	<u>(36.988.433)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>5.200.000</u>	<u>15.171.973</u>	<u>20.371.973</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	4.520.158	4.520.158
Khấu hao trong kỳ	<u>-</u>	<u>933.043</u>	<u>933.043</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>-</u>	<u>5.453.201</u>	<u>5.453.201</u>
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>42.188.433</u>	<u>10.651.815</u>	<u>52.840.248</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>5.200.000</u>	<u>9.718.772</u>	<u>14.918.772</u>

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	81.183.514	15.001.180	96.184.694
Thanh lý trong kỳ	<u>(81.183.514)</u>	-	<u>(81.183.514)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>-</u>	<u>15.001.180</u>	<u>15.001.180</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	750.059	750.059
Khấu hao trong kỳ	<u>-</u>	<u>250.020</u>	<u>250.020</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>-</u>	<u>1.000.079</u>	<u>1.000.079</u>
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>81.183.514</u>	<u>14.251.121</u>	<u>95.434.635</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>-</u>	<u>14.001.101</u>	<u>14.001.101</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 20)</i>	-	14.001.101	14.001.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	1.445.584	953.780
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	250.020	250.020

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Chi phí trồng vườn tiêu (i)	122.493.373	31.579.294
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25.076.580	25.076.580
Chi phí trồng cây cao su	22.072.022	22.072.023
TỔNG CỘNG	169.641.975	78.727.897

(i) Một phần giá trị vườn cây hồ tiêu đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 20).

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)	11.437.505.856	8.824.915.498
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2)	16.850.000	238.962.500
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.3)	54.000.820	31.996.288
TỔNG CỘNG	11.508.356.676	9.095.874.286

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	30 tháng 6 năm 2015		31 tháng 12 năm 2014	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
<i>Các Tổng Công ty con quản lý ngành</i>						
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (tên cũ là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai), viết tắt là "HNG" (i)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	Đang hoạt động	79,52	5.443.421.358	92,13	3.830.831.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	85,75	3.253.537.647	85,75	3.253.537.647
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai (ii)	Năng lượng	Đang hoạt động	95,58	2.532.179.575	92,81	1.532.179.575
<i>Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</i>						
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	99,00	99.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	51,00	59.000.000
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Quản lý bất động sản và khách sạn	Đang hoạt động	94,50	977.486	94,50	977.486
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	Trước hoạt động	100,00	17.778.990	100,00	17.778.990
TỔNG CỘNG				11.437.505.856		8.824.915.498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(i) Biến động trong kỳ của khoản đầu tư vào HNG như sau:

- ▶ Vào ngày 2 tháng 1 năm 2015, Công ty đã mua 9.000.000 cổ phiếu của HNG từ Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai, công ty con, với tổng giá mua là 837.000.000 ngàn VNĐ theo Hợp đồng số 02-01/2015/HĐCNCP cùng ngày.
- ▶ Vào ngày 6 tháng 4 năm 2015, HNG đã phát hành riêng lẻ 63.972.395 cổ phiếu với tổng giá mua là 1.615.942.697 ngàn VNĐ cho Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0604/15/ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 4 năm 2015 của HNG.
- ▶ Vào ngày 26 tháng 4 năm 2015, Công ty đã hoán đổi 29.700.000 cổ phiếu của HNG với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, công ty liên kết, theo tỷ lệ hoán đổi 1:1 cho các cổ đông của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên theo Hợp đồng số 26/4/15/HĐCP ngày 26 tháng 4 năm 2015.
- ▶ Vào ngày 4 tháng 6 năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng 16.538.180 cổ phiếu của HNG cho Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai, công ty con, với tổng giá bán là 162.074.164 ngàn VNĐ theo hợp đồng mua bán cổ phần số 02/04/06HĐMBCP. Vào ngày này, Công ty cũng đã chuyển nhượng 34.699.050 cổ phiếu của HNG cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, công ty con, với tổng giá bán là 340.050.690 ngàn VNĐ theo Hợp đồng mua bán cổ phần số 01/04/06HĐMBCP cùng ngày.

Vào ngày 10 tháng 7 năm 2015, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai đã nhận được Quyết định chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh số 278/QĐ-SGDHCM về việc niêm yết cổ phiếu với mã cổ phiếu là HNG. Số lượng cổ phiếu được niêm yết là 708.143.895 với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Vào ngày 20 tháng 7 năm 2015, cổ phiếu HNG đã chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã thế chấp 345.658.950 cổ phiếu HNG nhằm đảm bảo cho các khoản vay trái phiếu của Công ty và công ty con (*Thuyết minh số 20*).

- (ii) Vào ngày 26 tháng 5 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai đã thông qua Nghị quyết số 13/7/NQ-ĐHĐCĐ về việc phát hành riêng lẻ 100 triệu cổ phiếu phổ thông cho Công ty tương đương với số tiền là 1.000.000.000 ngàn VNĐ.

Tình trạng trước hoạt động thể hiện tình hình công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	30 tháng 6 năm 2015			31 tháng 12 năm 2014		
			Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	1.185.000	42,55	11.850.000	1.185.000	42,55	11.850.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	Đang hoạt động	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
Công ty Cổ phần An Đông Mia (i)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	Trước hoạt động	-	-	-	6.000.000	30,00	183.183.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (ii)	Chăn nuôi	Trước hoạt động	-	-	-	3.892.950	45,00	38.929.500
TỔNG CỘNG					16.850.000	238.962.500		

(i) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty đã thanh lý toàn bộ cổ phần sở hữu trong Công ty Cổ phần An Đông Mia cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai với giá gốc theo Hợp đồng số 01/15/HĐCNVG cùng ngày. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền bán cổ phiếu này.

(ii) Vào ngày 27 tháng 4 năm 2015, Công ty đã thanh lý toàn bộ cổ phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai theo Hợp đồng số 2714/HĐMBCP cùng ngày. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền bán cổ phiếu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30 tháng 6 năm 2015	Ngàn VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	24.636.248	24.636.248
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	22.004.532	-
Công ty Cổ phần Truyền Thông Thanh Niên	6.200.000	6.200.000
Công Ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Hàng Không Viễn Đông	1.160.040	1.160.040
TỔNG CỘNG	54.000.820	31.996.288

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30 tháng 6 năm 2015	Ngàn VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
Tiền thuê đất trả trước	10.101.922	10.237.634
Công cụ, dụng cụ	2.725.797	2.615.745
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.677.846	2.932.047
TỔNG CỘNG	14.505.565	15.785.426

16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

16.1 Phải trả cho người bán ngắn hạn

	30 tháng 6 năm 2015	Ngàn VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả cho người bán	274.320.078	56.059.863
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Trồng Rừng Công nghiệp Gia Lai	87.473.768	-
Phải trả đối tượng khác	186.846.310	56.059.863
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	16.206.582	9.086.359
TỔNG CỘNG	290.526.660	65.146.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30 tháng 6 năm 2015	Ngàn VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
Người mua trả tiền trước	956.115.414	325.081.094
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	896.532.903	250.460.000
Các đối tượng khác	59.582.511	74.621.094
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 27)	<u>1.177.164.516</u>	<u>566.028.478</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.133.279.930</u>	<u>891.109.572</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31 tháng 12 năm 2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngàn VNĐ 30 tháng 6 năm 2015
Thuế giá trị gia tăng	689.451	152.527.671	(128.756.140)	24.460.982
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26)	17.447.084	117.576.196	(57.874.212)	77.149.068
Thuế thu nhập cá nhân	1.088.733	4.335.105	(4.702.239)	721.599
Thuế tài nguyên	4.714	3.138	(7.852)	-
Các loại thuế khác	225	517.665	(496.003)	21.887
TỔNG CỘNG	<u>19.230.207</u>	<u>274.959.775</u>	<u>(191.836.446)</u>	<u>102.353.536</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30 tháng 6 năm 2015	Ngàn VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí lãi vay	320.155.809	243.637.312
Chi phí hoạt động	2.449.737	8.213.860
TỔNG CỘNG	<u>322.605.546</u>	<u>251.851.172</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30 tháng 6 năm 2015	Ngàn VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả tiền mượn từ các công ty khác	749.825.560	813.457.516
Phải trả lãi vay	3.985.070	119.952.281
Phải trả cổ tức	101.579	101.579
Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.480.580	11.046.060
TỔNG CỘNG	804.392.789	944.557.436
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>561.931.029</i>	<i>849.383.539</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>242.461.760</i>	<i>95.173.897</i>

20. VAY

	30 tháng 6 năm 2015	Ngàn VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng (<i>Thuyết minh số 20.1</i>)	702.441.050	477.143.203
Trái phiếu chuyển đổi (<i>Thuyết minh số 20.2</i>)	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 20.3</i>)	18.831.941	54.294.392
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 20.4</i>)	2.126.073.000	1.980.000.000
	3.947.345.991	3.611.437.595
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng (<i>Thuyết minh số 20.3</i>)	19.638.624	32.294.873
Trái phiếu phát hành (<i>Thuyết minh số 20.4</i>)	6.314.852.660	5.548.579.830
	6.334.491.284	5.580.874.703
TỔNG CỘNG	10.281.837.275	9.192.312.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2015 Ngàn VNĐ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 8 và 13)
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 01/2015/370863/HĐTD ngày 31 tháng 3 năm 2015	582.521.382	Từ 27 tháng 10 năm 2015 đến 30 tháng 3 năm 2016	6-9	Căn hộ Bàu Thạch Gián và vườn cây hồ tiêu trên đất
<i>HDBank, Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai</i>				
Hợp đồng vay số 0577/2015/HĐT DHM-DN/135 ngày 12 tháng 6 năm 2015	119.919.668	Từ 16 tháng 12 năm 2015 đến 30 tháng 12 năm 2015	10,5	Tài sản hình thành từ vốn vay (tức là thức ăn cho bò)
TỔNG CỘNG	702.441.050			

20.2 Trái phiếu chuyển đổi

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2010, Hội đồng Quản trị thông qua phương án và kế hoạch chi tiết thực hiện việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VNĐ cho Northbrooks Investment (Maritius) Pte Ltd ("NIMP"), một công ty thành viên của Tập đoàn Temasek Holdings Pte Ltd của Singapore phù hợp với các nội dung của phương án phát hành đã được các cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 18 tháng 8 năm 2010. Vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VNĐ với mệnh giá là 1 triệu VNĐ/trái phiếu. Trái phiếu sẽ được chuyển đổi sang cổ phiếu theo quyết định của trái chủ với mức giá chuyển đổi là 67.375 VNĐ/cổ phiếu và sẽ được điều chỉnh bởi ảnh hưởng của các sự kiện pha loãng nếu có. Sẽ không có bất kỳ khoản lãi phát sinh nào sẽ được thanh toán đối với các trái phiếu đã được chuyển đổi. Các trái phiếu không được chuyển đổi thì sẽ được hưởng lãi kể từ ngày mua trái phiếu với mức lãi suất bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng được niêm yết bởi bốn (4) ngân hàng trong nước (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam) cộng (+) 3%/năm được xác định tại ngày phát hành trái phiếu (tiền lãi trái phiếu sẽ được trả khi đáo hạn).

Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Công ty và NIMP đã ký kết Bản điều chỉnh hợp đồng mua bán trái phiếu. Theo đó, Điều khoản và Điều kiện của trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 31 tháng 8 năm 2010 được điều chỉnh như sau:

- ▶ Ngày Đến hạn: Ngày Đến hạn là ngày 31 tháng 8 năm 2015.
- ▶ Giá chuyển đổi: 25.000 VNĐ/cổ phần và phụ thuộc vào Điều khoản chống pha loãng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

- ▶ **Lãi suất:** Lãi Suất Tiền Gửi cộng (+) 3%/năm; được thanh toán hàng năm. "Lãi Suất Tiền Gửi" có nghĩa là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một (1) năm của cá nhân được niêm yết bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam vào ngày 19 tháng 8 năm 2010 và sẽ được điều chỉnh hàng năm.
- ▶ **Chuyển đổi và Điều khoản chống pha loãng:** Trái Phiếu có thể được chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần được phát hành của Công ty từ ngày 1 tháng 8 năm 2013 cho đến Ngày Đến hạn. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh xuống mức thấp hơn khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây: (i) phát hành cổ phiếu thưởng, (ii) chia tách cổ phần, (iii) hợp nhất các cổ phần, hoặc (iv) phân loại lại cổ phần; (v) chia cổ tức, (vi) phát hành cổ phần mới thấp hơn giá thị trường của mỗi cổ phần tại thời điểm đó và (vii) bất kỳ sự kiện gây pha loãng nào khác.
- ▶ **Giá chuyển đổi sau khi điều chỉnh hiệu ứng pha loãng** do phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu bằng mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu theo tỷ lệ 5:1; phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi cổ phiếu quốc tế và chia cổ tức trong năm 2013; phát hành cổ phần phổ thông để chia cổ tức trong năm 2014 là 19.645 VNĐ/cổ phiếu.
- ▶ **Quyền yêu cầu Công ty mua lại Trái phiếu:** Tại bất kỳ thời điểm nào từ ngày 31 tháng 8 năm 2013 đến Ngày Đến hạn, Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái phiếu với giá thỏa thuận. Theo đó, các trái phiếu trên đã được trình bày trong phần nợ ngắn hạn của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- ▶ **Mục đích:** Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 3107/15/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 31 tháng 7 năm 2015 phê duyệt việc sửa đổi một số điều khoản và điều kiện của trái phiếu chuyển đổi này như sau:

- ▶ **Ngày đến hạn:** Ngày đến hạn gia hạn là ngày 31 tháng 8 năm 2017.
- ▶ **Lãi suất:** ba phần trăm (3%) một năm. Mức lãi suất này sẽ được áp dụng kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2015.
- ▶ **Giá chuyển đổi:** 19.645 VNĐ/cổ phần và phụ thuộc vào Điều khoản chống pha loãng.

Công ty hiện đang tiến hành đàm phán với trái chủ về việc sửa đổi các điều khoản nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2015 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng Hợp đồng tín dụng số 10270 ngày 28/5/2009	501.815	Hoàn trả trong vòng 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 28 tháng 5 năm 2009), ân hạn 24 tháng	0,875%/tháng trong 6 tháng đầu, sau đó lãi suất được điều chỉnh 2 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,36%/tháng	Đất tại phường Bình Hiên, Bình Thuận, Hải Châu, TP. Đà Nẵng, được sở hữu bởi Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, công ty con; đất tại Bà Thạc Gián, phường Thạc Gián, TP. Đà Nẵng.
Hợp đồng tín dụng số LD 0931400065 ngày 10/11/2009	25.312.500	Hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 10 tháng 11 năm 2009)	0,875%/tháng trong 1 tháng đầu, sau đó lãi suất được điều chỉnh theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,36%/tháng	Đất tại Phần Lãng, An Khê, Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, được sở hữu bởi Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, công ty con
Hợp đồng vay số 7683 ngày 6/8/2007	12.656.250	Hoàn trả trong vòng 120 tháng, được thanh toán hàng quý làm 32 lần, lần đầu vào tháng 12 năm 2009	1,1%/tháng trong 6 tháng đầu, sau đó, lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng + 0,45%/tháng	Đất tại phường Bình Thuận, Hải Châu, TP. Đà Nẵng sở hữu bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông, bên liên quan
Tổng cộng Sacombank	38.470.565			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	18.831.941			
Vay dài hạn	19.638.624			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.4 Trái phiếu phát hành

	30 tháng 6 năm 2015	Ngàn VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 20.4.1)	7.310.925.660	6.398.579.830
Trái phiếu hoán đổi (Thuyết minh số 20.4.2)	1.130.000.000	1.130.000.000
TỔNG CỘNG	8.440.925.660	7.528.579.830
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	2.126.073.000	1.980.000.000
Vay dài hạn	6.314.852.660	5.548.579.830

20.4.1 Trái phiếu thường trong nước

Trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Số tiền Ngàn VNĐ	Ngày đáo hạn
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS") (i)	Ngày 25 tháng 4 năm 2012	1.760.622.256	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đến ngày 18 tháng 6 năm 2017
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC") (ii)	Ngày 17 tháng 8 năm 2012	850.000.000	Ngày 17 tháng 8 năm 2015
ACBS (iii)	Ngày 3 tháng 5 năm 2013	146.073.000	Ngày 3 tháng 5 năm 2016
BIDV và BSC (iv)	Ngày 9 tháng 7 năm 2013	950.000.000	Ngày 9 tháng 7 năm 2016
BIDV và BSC (v)	Ngày 28 tháng 3 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 3 năm 2019
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC") (vi)	Ngày 1 tháng 4 năm 2014	650.000.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2019
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS") (vii)	Ngày 28 tháng 11 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 11 năm 2017
BIDV và BSC (viii)	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi phí phát hành trái phiếu		(45.769.596)	
TỔNG CỘNG		7.310.925.660	
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả		996.073.000	
Vay dài hạn		6.314.852.660	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

20.4.1 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2012, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 2.500 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000 VNĐ) do ACBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất là 18,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười ba (13) tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 6,5%/năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín, ACBS, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ("Eximbank") và Công ty TNHH Hoàng Phú Sơn căn cứ theo các hợp đồng ngày 26 tháng 4 năm 2012, hợp đồng số 01/HĐMBTP.12 ngày 14 tháng 5 năm 2012, hợp đồng số 1506/2012/HĐ/EIB-HAGL ngày 18 tháng 6 năm 2012 và hợp đồng ngày 23 tháng 9 năm 2014 với số tiền thu được lần lượt là 450 tỷ VNĐ, 450 tỷ VNĐ, 800 tỷ VNĐ và 141 tỷ VNĐ. Theo đó, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 1.841 tỷ VNĐ. Vào ngày 2 tháng 4 năm 2015, Công ty đã mua lại trước hạn trái phiếu 80 tỷ VNĐ từ Công ty Cổ phần Hoàn Mai. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam tương ứng là 521 tỷ VNĐ, 200 tỷ VNĐ, 240 tỷ VNĐ và 800 tỷ VNĐ.

Tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu này được sử dụng để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án nhà máy mía đường, nhiệt điện, ethanol và phân vi sinh tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; dự án thủy điện Đắc Srông 3A, công suất 10,2MW, tại huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, Việt Nam; dự án thủy điện Nậm Kông 2, công suất 66MW, tại huyện Phou Vong, tỉnh Attapeu, Lào và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn. Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng 53,08 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

- (ii) Vào ngày 17 tháng 8 năm 2012, Công ty đã phát hành đợt trái phiếu thường trị giá 850 tỷ VNĐ theo mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu và sẽ được hoàn trả theo mệnh giá vào ngày 17 tháng 8 năm 2015. Trái phiếu này chịu lãi suất 16%/năm cho kỳ thanh toán lãi đầu tiên và chịu lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VNĐ, trả sau, kỳ hạn mười hai (12) tháng công bố tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại tỉnh Gia Lai gồm: Chi nhánh Agribank tỉnh Gia Lai, Chi nhánh Vietinbank tỉnh Gia Lai, Chi nhánh BIDV tỉnh Gia Lai và Chi nhánh VCB tỉnh Gia Lai tại mỗi Ngày Xác Định Lãi Suất cộng (+) biên độ 5%/năm. Tiền lãi được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 17 tháng 2 và ngày 17 tháng 8. Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu này được sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản nợ của Công ty. Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng quyền thuê đất và tài sản gắn liền với đất với quy mô 4.897,54 ha tại tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh, công ty con tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Vào ngày 17 tháng 8 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 850 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do BIDV thu xếp phát hành theo Hợp đồng Hoán đổi trái phiếu ngày 23 tháng 7 năm 2015. Theo đó, các trái phiếu này được dùng để hoán đổi cho các trái phiếu có tổng mệnh giá 850 tỷ VNĐ đáo hạn vào ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Công ty. Công ty không thu được bất kỳ khoản tiền nào từ việc phát hành trái phiếu hoán đổi này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

20.4.1 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

- (iii) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 450 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000 VNĐ) do ACBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất là 15% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn mười ba (13) tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông ("OCB") của ba tháng gần nhất cộng biên độ lãi suất 6%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho OCB theo hợp đồng số 01/2013/HĐMBTP/OCB-DT ngày 25 tháng 4 năm 2013 với số tiền thu được là 146.073 triệu VNĐ. Tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu này được sử dụng để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty và tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp. Các trái phiếu trên được đảm bảo bằng 15,3 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.
- (iv) Vào ngày 9 tháng 7 năm 2013, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 950 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do BIDV và BSC thu xếp phát hành. Những trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm với lãi suất là 14% cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố bởi bốn ngân hàng thương mại tại chi nhánh Gia Lai, bao gồm: Chi nhánh Agribank tỉnh Gia Lai, Chi nhánh VCB tỉnh Gia Lai, Chi nhánh BIDV tỉnh Gia Lai, Chi nhánh Vietinbank tỉnh Gia Lai cộng với biên độ 5%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho BIDV theo hợp đồng ngày 9 tháng 7 năm 2013 với tổng số tiền thu được là 950 tỷ VNĐ. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn. Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng 79,93 triệu cổ phiếu của Công ty nắm giữ bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty và khoản tiền gửi tiết kiệm 120 tỷ VNĐ tại Chi nhánh BIDV tỉnh Gia Lai.
- (v) Vào ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 1.000 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do BIDV và BSC thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất là 12% cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm: Chi nhánh Agribank – Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Vietinbank – Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh BIDV – Sở Giao Dịch 2 và Chi nhánh VCB – Thành phố Hồ Chí Minh và cộng (+) với biên độ 4%/năm. Tiền lãi được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 28 tháng 3 và 28 tháng 9. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho BIDV với tổng số tiền thu được là 950 tỷ VNĐ và cho Công ty TNHH MTV Bảo hiểm ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tổng số tiền thu được là 50 tỷ VNĐ theo các hợp đồng ký ngày 26 tháng 3 năm 2014. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu được sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 3.637 ha cây cao su tại tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam; dự án trồng và chăm sóc 9.000 ha cây cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 8.216 ha cây cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 4.900 ha cây cao su tại tỉnh Attapeu và SeKong, Lào. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền với quy mô 4.897,54 ha tại tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Nông nghiệp và Cao su Hoàng Anh – Quang Minh; quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 10.000 ha thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; quyền thuê đất và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại huyện Phou Vong, tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu, là các công ty con của Công ty tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

20.4.1 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

(vi) Vào ngày 1 tháng 4 năm 2014, Công ty phát hành trái phiếu với tổng trị giá là 650 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do PHUGIASC thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất là 13,5% cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi mỗi sáu (6) tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại HDBank và cộng (+) với biên độ 6%/năm. Tiền lãi trái phiếu được thanh toán định kỳ 3 tháng một lần tính từ ngày phát hành. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho HDBank theo hợp đồng số 01/2014/HĐMTP ngày 1 tháng 4 năm 2014 với tổng số tiền thu được là 650 tỷ VNĐ. Tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu được sử dụng để tái cấu trúc tài chính và bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng 18,95 triệu cổ phiếu của Công ty do Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty nắm giữ và 67,27 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai do Công ty nắm giữ.

(vii) Vào ngày 28 tháng 11 năm 2014, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.000 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm với lãi suất được thanh toán mỗi kỳ 3 tháng kể từ ngày phát hành ("kỳ tính lãi"). Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,35%/năm và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi Đồng Việt Nam đối với tổ chức kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng với biên độ áp dụng cho ba (3) kỳ tính lãi thuộc năm đầu tiên là 3,5%/năm và các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,25%/năm. Tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu này được sử dụng để hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại tỉnh Gia Lai với Công ty cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (600 tỷ VNĐ) và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (400 tỷ VNĐ). Các Trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 74 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty và 4,7 triệu cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

(viii) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 1.000 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do BIDV thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất 10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn Ngân hàng thương mại tại tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 4%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Công ty đã bán trái phiếu cho BIDV theo hợp đồng ngày 31 tháng 12 năm 2014 với tổng số tiền thu được là 1.000 tỷ VNĐ.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại tỉnh Gia Lai (470 tỷ VNĐ); bổ sung vốn cho các công ty thành viên để chi trả cho các chi phí thực hiện dự án trồng, chăm sóc cây cao su, cọ dầu, xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu và nhà máy nhiệt điện (480 tỷ VNĐ) và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (50 tỷ VNĐ).

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 4.897,5 ha tại tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Công nghiệp - Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 10.000 ha thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; quyền thuê và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại huyện Phou Vong, tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu, là các công ty con của Công ty tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và 79,93 triệu cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

20.4.2 Trái phiếu hoán đổi

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2011, Công ty đã phát hành trái phiếu hoán đổi trị giá 1.130.000.000 ngàn VNĐ cho NIMP với các nội dung chi tiết như sau:

- ▶ Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000 VNĐ.
- ▶ Số lượng trái phiếu phát hành: 1.130.000.
- ▶ Kỳ hạn trái phiếu: 4 năm kể từ Ngày Hoàn Tất với quyền gia hạn thêm 2 năm theo sự thoả thuận của chủ sở hữu trái phiếu.

Trong kỳ, Công ty đã tiến hành đàm phán với NIMP và đã được chấp thuận việc gia hạn kỳ hạn của trái phiếu đến ngày 14 tháng 7 năm 2017 (Ngày đến hạn gia hạn).

- ▶ Lãi trái phiếu: thanh toán hàng năm với mức lãi suất được tính như sau:

Lãi suất = $5\% \times (1 + \text{Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái})$.

"Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái" có nghĩa là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa USD và VNĐ do HSBC niêm yết kể từ ngày phát hành Trái Phiếu đến trước ngày 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi.

Nếu việc tính toán lãi suất trên đây không được pháp luật có liên quan cho phép, lãi suất sẽ được tính như sau:

Lãi Suất = $5\% \times (1+y)^n$

Trong đó: "y" có nghĩa là (i) tỷ lệ được nhà đầu tư và Công ty thỏa thuận và đồng ý tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày đầu tiên của thời hạn thanh toán lãi, hoặc (ii) trong trường hợp nhà đầu tư và Công ty không thể đạt được thỏa thuận về tỷ lệ đó, 10%; "n" có nghĩa là số đợt thời hạn thanh toán lãi đã trôi qua kể từ Ngày Hoàn Tất đến và bao gồm thời hạn thanh toán lãi đó.

- ▶ Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (tiền thân là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) do Công ty nắm giữ tại bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày Hoàn Tất tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày Hoàn Tất.
- ▶ Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Công ty Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, các trái phiếu này đã được trình bày tại mục vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngàn VNĐ						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.181.546.930	3.544.438.784	-	8.622.737	230.027.423	551.721.939	11.516.357.813
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	27.423.459	27.423.459
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	-	1.371.173	(5.939.447)	(4.568.274)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>7.181.546.930</u>	<u>3.544.438.784</u>	<u>-</u>	<u>8.622.737</u>	<u>231.398.596</u>	<u>573.205.951</u>	<u>11.539.212.998</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (<i>đã được trình bày trước đây</i>)	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	8.622.737	241.133.546	27.558.264	11.715.386.161
Trình bày lại (<i>Thuyết minh số 31</i>)	-	-	-	241.133.546	(241.133.546)	-	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (<i>được trình bày lại</i>)	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	249.756.283	-	27.558.264	11.715.386.161
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	430.466.998	430.466.998
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	21.523.350	-	(39.234.449)	(17.711.099)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>7.899.679.470</u>	<u>3.539.078.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>271.279.633</u>	<u>-</u>	<u>418.790.813</u>	<u>12.128.142.060</u>

(i) Số còn lại trích lập quỹ phúc lợi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	789.967.947	789.967.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	789.899.283	789.899.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	789.899.283	789.899.283
Số lượng cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Doanh thu gộp	1.284.428.290	580.732.801
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	454.673.345	324.647.933
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	528.252.681	114.972.888
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	214.941.818	-
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	58.701.819	102.671.623
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	27.858.627	38.440.357
Các khoản giảm trừ	(35.528)	(904.000)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(35.528)	(904.000)
Doanh thu thuần	1.284.392.762	579.828.801
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	454.637.817	323.743.933
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	528.252.681	114.972.888
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	214.941.818	-
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	58.701.819	102.671.623
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	27.858.627	38.440.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lãi cho vay	530.863.024	435.132.455
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.540.268	7.295.134
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.331.415	23.936.667
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư	6.827.001	-
Cổ tức nhận được	600.000	-
Thu nhập hoán đổi cổ phiếu	-	1.343.469
TỔNG CỘNG	558.161.708	467.707.725

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa đã bán	387.338.170	253.439.790
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	276.074.299	83.721.146
Giá vốn bán bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 12)	81.183.514	-
Giá vốn căn hộ đã bán	45.937.971	80.980.140
Giá vốn dịch vụ cung cấp	21.579.454	32.245.576
TỔNG CỘNG	812.113.408	450.386.652

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Chi phí lãi vay	557.827.675	446.843.452
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.023.483	673.278
Dự phòng giảm giá đầu tư khác	-	30.785.150
Các khoản khác	6.492	80.049
TỔNG CỘNG	559.857.650	478.381.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Thu nhập khác	157.555.099	2.090.171
Lãi thanh lý tài sản	155.363.096	-
Tiền bồi thường nhận được	-	1.570.141
Các khoản khác	2.192.003	520.030
Chi phí khác	1.590.057	1.554.893
Lỗ thanh lý tài sản	-	743.370
Các khoản khác	1.590.057	811.523
LỢI NHUẬN KHÁC	155.965.042	535.278

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ bao gồm:

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Thuế TNDN hiện hành	119.216.198	8.611.110
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong kỳ trước	(1.640.002)	-
TỔNG CỘNG	117.576.196	8.611.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngàn VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	548.043.194	36.034.569
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán	(6.151.386)	3.106.840
Các khoản phạt	384.682	519.885
Các chi phí không được khấu trừ	4.978.724	9.065.598
Thu nhập cổ tức	(600.000)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(10.914.792)	(6.478.643)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	541.891.808	39.141.409
Thuế TNDN hiện hành ước tính	119.216.198	8.611.110
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong kỳ trước	(1.640.002)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	117.576.196	8.611.110
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	17.447.084	35.091.960
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(57.874.212)	(44.836.922)
Thuế TNDN phải trả (nộp thừa) cuối kỳ (Thuyết minh số 17)	77.149.068	(1.133.852)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	7.268.044	670.833
		Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	1.496.058	4.482.153
		Cho vay ngắn hạn	-	50.000.000
		Cho mượn tạm	-	6.964.000
		Thu hồi tiền cho vay và mượn tạm	-	8.000.000
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và hợp đồng xây dựng	4.612.066	12.491.407
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	39.785.059	11.241.667
		Cho vay ngắn hạn	-	500.000.000
		Thu hồi tiền cho vay và mượn tạm	-	309.337.500
		Cho mượn tạm	-	53.112.300
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	22.744.410	22.744.410
		Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và hợp đồng xây dựng	2.228.026	15.603.243
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.580.169	91.284.299
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và hợp đồng xây dựng	132.979.123	157.182.986
		Tư vấn thiết kế	-	21.395.005
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Doanh thu bán hàng	477.862	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và hợp đồng xây dựng	65.225.334	3.433.623
		Mua hàng hóa và dịch vụ	7.836.621	49.238.624
		Vay mượn tạm	-	280.157.959
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	36.601.087	25.217.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Công ty con	Doanh thu bán hàng	48.930	-
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	407.051	-
		Trả tiền vay	-	91.235.403
		Cho mượn tạm	-	30.712.435
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	9.225.229	-
		Mua dịch vụ quảng cáo	6.500.000	6.500.000
		Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và hợp đồng xây dựng	3.658.933	3.133.650
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	53.047.739	35.483.229
		Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và hợp đồng xây dựng	144.626	3.893.678
		Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	12.449	-
		Cho vay ngắn hạn	-	200.000.000
		Cho mượn tạm	-	543.011.103
		Thu hồi tiền cho vay và mượn tạm	-	100.000.000
		Chuyển giao tài sản	-	47.863.975
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	17.440.180	17.440.180
		Cho mượn tạm	-	231.340.260
		Thu hồi tiền cho vay và mượn tạm	-	1.050.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	4.614.974	-
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	2.815.556	6.683.941
		Mua dịch vụ	976.738	-
		Cho vay ngắn hạn	-	592.174.000
		Thu hồi tiền cho vay và mượn tạm	-	425.000.000
		Chuyển giao tài sản	-	51.282.830
		Các khoản khác	-	883.316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	27.950.409	-
		Mua hàng hóa	17.226.233	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và hợp đồng xây dựng	120.840	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	21.972	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	40.915.757	49.044.715
		Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	2.199.578	-
		Vay mượn tạm	-	45.465.671
		Trả tiền vay	-	35.624.000
		Chuyển giao tài sản	-	6.837.711
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	163.655.893	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi vay từ các khoản cho vay	175.378.591	226.183.056
		Vay mượn tạm	44.740.000	-
		Cho vay	44.000.000	200.900.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Cho vay	16.833.791	-
		Lãi vay từ các khoản cho vay	392.633	-
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Bên liên quan	Cho vay	72.533.690	-
		Lãi vay từ các khoản cho vay	1.585.248	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	-	35.350.000
		Chuyển giao tài sản	-	13.675.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VNĐ	
			30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu chuyển nhượng cổ phần HNG	162.074.164	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	58.528.564	-
		Phải thu hợp đồng xây dựng	299.629	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	50.944.745	8.159.182
		Phải thu hợp đồng xây dựng	42.928.267	13.195.607
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Phải thu thanh lý đầu tư	48.091.600	48.091.600
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	25.789.169	5.469.715
Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	23.090.612	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.587.619	-
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	20.937.822	-
		Phải thu hợp đồng xây dựng	-	7.304.082
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	16.628.228	2.681.423
		Phải thu hợp đồng xây dựng	1.138.040	13.322.294
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	11.435.289	7.528.261
		Phải thu cung cấp dịch vụ	117.798	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.849.676	7.849.676
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	5.885.205	5.957.053
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	100.662	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trúc Thịnh	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.173.740	4.173.740
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	1.021.100	-
		Phải thu hợp đồng xây dựng	186.465	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.430	48.671.743

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ	
			30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1) (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	9.094.557
			-	2.657.184
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	1.909.232	1.377.458
TỔNG CỘNG			491.725.056	185.533.575
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)				
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước cho hàng hóa	82.512.645	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước cho dịch vụ quảng cáo	-	94.568.620
TỔNG CỘNG			82.512.645	94.568.620
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay mượn ngắn hạn	216.073.000	1.367.791.645
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay mượn ngắn hạn	44.740.000	-
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay mượn ngắn hạn	-	251.895.953
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay mượn ngắn hạn	-	5.549.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay mượn ngắn hạn	-	153.728.374
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Cho vay mượn ngắn hạn	-	47.502.935
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay mượn ngắn hạn	-	12.079.500
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay mượn ngắn hạn	-	24.125.417
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay mượn ngắn hạn	-	15.562.764
TỔNG CỘNG			260.813.000	1.878.235.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ	
			30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay mượn dài hạn	3.401.185.936	3.807.185.936
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	939.366.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	729.231.638	120.000.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	586.076.353	452.870.953
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	180.104.991	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	137.683.300	50.000.000
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Bên liên quan	Cho vay mượn dài hạn	72.533.690	-
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	50.597.286	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	40.000.000	40.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	24.682.417	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	18.791.499	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Cho vay mượn dài hạn	16.833.791	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	15.562.764	-
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	10.447.317	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	9.883.128	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	7.031.539	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	1.557.039	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	567.000	569.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6) (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Cho vay mượn dài hạn	-	350.000.000
TỔNG CỘNG			6.242.135.688	5.889.056.889
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay Khác	450.146.745 6.920	274.768.154 6.920
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	100.621.796 1.582.674	83.181.617 1.582.674
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Phải thu ủy thác	84.341.106	68.932.500
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	72.256.564	43.613.585
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ Cho mượn tạm Khác	40.318.778 297.272 - -	533.720 - 18.682.495 109.005
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Bên liên quan	Chi trả hộ	12.624.059	12.624.059
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	9.225.229 1.156.110	- 57.584.004
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	7.268.044 70.479	4.787.500 879.961
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	2.815.556 434.649	- -
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Bên liên quan	Lãi cho vay	1.585.248	-
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	1.567.241	1.558.400
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Thu hộ	282.376	9.883.128
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Thu hộ	200.902	7.031.539
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Cổ tức phải thu Chi trả hộ	- - -	104.048.401 83.091.160 44.116.614
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	-	82.995.410
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	-	3.895.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VNĐ	
			30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7) (tiếp theo)				
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	1.180.722	1.324.457
TỔNG CỘNG			787.982.470	905.230.754

Phải trả cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16.1)

Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10.590.242	3.525.203
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.208.897	1.208.897
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.074.411	163.343
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ	944.926	944.926
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	833.949	833.948
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	1.554.157	2.410.042
TỔNG CỘNG			16.206.582	9.086.359

Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16.2)

Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước hợp đồng xây dựng	284.255.160	-
		Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	231.124.800	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	153.044.616	108.559.742
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	140.172.443	140.635.850
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	98.159.761	41.418.762
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	91.559.814	95.999.755

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VNĐ	
			30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16.2) (tiếp theo)				
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	74.825.963	89.574.836
		Nhận ứng trước hợp đồng xây dựng	-	5.440.930
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận ứng trước hợp đồng xây dựng	68.618.190	84.398.603
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	31.089.769	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	4.314.000	-
TỔNG CỘNG			1.177.164.516	566.028.478

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Vay mượn tạm	232.653.375	594.402.006
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	191.776.803	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	100.039.563	109.274.334
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	12.319.600	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi trả hộ	6.093.450	6.093.450
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	6.051.722	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	3.808.366	3.808.366
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	3.091.165	-
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Chi trả hộ	2.402.766	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Chi trả hộ	1.814.437	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ	
			30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19) (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	489.770	135.532.683
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	1.390.012	272.700
TỔNG CỘNG			561.931.029	849.383.539

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký trong kỳ như sau:

	Ngàn VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
<i>Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc</i> Thù lao, lương và thưởng	9.382.168	10.632.678
<i>Ban kiểm soát</i> Thù lao và thưởng	84.600	117.300
<i>Ban thư ký</i> Thù lao và thưởng	212.648	286.823
TỔNG CỘNG	9.679.416	11.036.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên thuê

Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, các tiện nghi của khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây khác. Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Dưới 1 năm	1.520.390	1.301.822
Từ 1 đến 5 năm	6.081.562	5.207.288
Trên 5 năm	51.331.994	42.147.361
TỔNG CỘNG	<u>58.933.946</u>	<u>48.656.471</u>

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Dưới 1 năm	1.309.091	1.032.727
Từ 1 đến 5 năm	1.556.364	1.570.909
TỔNG CỘNG	<u>2.865.455</u>	<u>2.603.636</u>

Cam kết góp vốn đầu tư

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản cam kết với tổng số tiền là 1.214.762.135 ngàn VNĐ liên quan đến nghĩa vụ góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần An Đông Mía.

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động đầu tư.

Trong quá trình hoạt động bình thường của mình, Công ty có khả năng gặp phải các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về bất động sản và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm trái phiếu, các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, trái phiếu và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
		<i>Ngàn VNĐ</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015		
VNĐ	+300	(140.974.300)
VNĐ	-300	140.974.300
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014		
VNĐ	+300	(130.206.104)
VNĐ	-300	130.206.104

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả).

	Thay đổi tỷ giá (%)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế Ngàn VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015		
Đô la Mỹ	+2	11.830.559
Đô la Mỹ	-2	(11.830.559)
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014		
Đô la Mỹ	+2	15.789.290
Đô la Mỹ	-2	(15.789.290)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được các rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản: (i) việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi đề án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch; (ii) rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản vay trong Tập đoàn.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phải thu về cho vay

Công ty có cho các công ty con trong cùng Tập đoàn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Phúc, An Phú, Công ty TNHH Thủy điện Tây Nguyên, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, Công ty Cổ phần Bò Đông Dương, một số cá nhân và Chính phủ Lào vay tiền. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>Ngàn VNĐ</i>		
	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 30 tháng 6 năm 2015			
Các khoản vay và nợ	721.272.991	19.638.624	740.911.615
Trái phiếu chuyển đổi, hoán đổi và các trái phiếu khác	3.226.073.000	6.314.852.660	9.540.925.660
Phải trả người bán	290.526.660	-	290.526.660
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.126.998.335	-	1.126.998.335
TỔNG CỘNG	5.364.870.986	6.334.491.284	11.699.362.270
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Các khoản vay và nợ	531.437.595	32.294.873	563.732.468
Trái phiếu chuyển đổi, hoán đổi và các trái phiếu khác	3.080.000.000	5.548.579.830	8.628.579.830
Phải trả người bán	65.146.222	-	65.146.222
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.196.408.608	1.385.096	1.197.793.704
TỔNG CỘNG	4.872.992.425	5.582.259.799	10.455.252.224

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố tiền gửi ngân hàng, hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình cho các khoản vay và trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 20).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty nhận cầm cố tài sản cầm cố là cổ phần và vốn góp của An Phú trong các công ty con của An Phú để đảm bảo cho khoản cho vay theo Hợp đồng cầm cố số 1510/2013/HĐCC/HAGL-AP ngày 15 tháng 10 năm 2013 như Thuyết minh số 6.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>30 tháng 6</i>	<i>31 tháng 12</i>	<i>30 tháng 6</i>	<i>31 tháng 12</i>
	<i>năm 2015</i>	<i>năm 2014</i>	<i>năm 2015</i>	<i>năm 2014</i>
				<i>Ngàn VNĐ</i>
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	468.171.239	247.710.559	468.171.239	247.710.559
Phải thu các bên liên quan	3.726.290.128	4.707.154.673	3.726.290.128	4.707.154.673
Phải thu về cho vay	7.107.921.894	6.148.007.587	7.107.921.894	6.148.007.587
Các khoản phải thu khác	966.761.775	701.762.613	966.761.775	701.762.613
Tiền	743.320.197	601.272.163	743.320.197	601.272.163
TỔNG CỘNG	13.012.465.233	12.405.907.595	13.012.465.233	12.405.907.595
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ	10.281.837.275	9.192.312.298	10.281.837.275	9.192.312.298
Phải trả các bên liên quan	575.711.088	856.043.375	575.711.088	856.043.375
Phải trả người bán	276.473.901	58.213.686	276.473.901	58.213.686
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	565.340.006	348.682.865	565.340.006	348.682.865
TỔNG CỘNG	11.699.362.270	10.455.252.224	11.699.362.270	10.455.252.224

Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu so với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của năm nay. Chi tiết như sau:

	31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngân VNĐ 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP			
Đầu tư ngắn hạn	81.783.240	(81.783.240)	-
Tài sản ngắn hạn khác	16.434.079	65.349.161	81.783.240
Phải thu ngắn hạn khác	4.921.139.268	(3.821.532.489)	1.099.606.779
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	216.819.471	160.107.600	376.927.071
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	2.605.187.503	2.605.187.503
Chi phí trả trước dài hạn	54.069.964	(38.284.538)	15.785.426
Vay dài hạn	(5.619.159.241)	38.284.538	(5.580.874.703)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	828.317.509	(796.321.221)	31.996.288
Nguyên giá bất động sản đầu tư	15.001.180	81.183.514	96.184.694
Phải thu về cho vay dài hạn	-	7.971.021.244	7.971.021.244
Phải thu dài hạn khác	6.333.833.672	(6.113.812.012)	220.021.660
Quỹ đầu tư phát triển	8.622.737	241.133.546	249.756.283
Quỹ dự phòng tài chính	241.133.546	(241.133.546)	-
Phải trả dài hạn khác	7.983.345	(6.598.249)	1.385.096
Dự phòng phải trả dài hạn	-	6.598.249	6.598.249
Tài sản dài hạn khác	467.560	(467.560)	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	220.714.082	(68.932.500)	151.781.582
			Ngân VNĐ
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (được trình bày lại)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	580.885.245	(152.444)	580.732.801
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.056.444)	152.444	(904.000)
Thu nhập khác	2.249.751	(159.580)	2.090.171
Chi phí khác	(1.714.473)	159.580	(1.554.893)
Chi phí phát hành trái phiếu	(6.988.033)	6.988.033	-
Chi phí lãi vay	(439.855.419)	(6.988.033)	(446.843.452)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tăng (giảm) chi phí trả trước	(3.954.256)	(6.988.033)	(10.942.289)
Chi phí lãi vay	439.855.419	6.988.033	446.843.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 23 tháng 7 năm 2015, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 2.150 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do BIDV thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất 10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn Ngân hàng thương mại tại tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 4%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Tiền lãi được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 23 tháng 1 và ngày 23 tháng 7. Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho BIDV theo hợp đồng ngày 23 tháng 7 năm 2015 với tổng số tiền thu được là 2.150 tỷ VNĐ.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty, tăng quy mô vốn hoạt động và hợp tác kinh doanh thực hiện các dự án.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 4.897,5 ha tại tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Công nghiệp - Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 10.000 ha, quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại tỉnh Attapeu thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; quyền thuê và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại huyện Phou Vong, tỉnh Attapeu, quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 2.723,9 ha tại tỉnh Attapeu thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu, quyền thuê và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 9.380,9 ha tại tỉnh Rattanakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas, là các công ty con của Công ty tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và tỉnh Rattanakiri, Vương quốc Campuchia và 79,93 triệu cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Vào ngày 17 tháng 8 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 850 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do BIDV thu xếp phát hành theo Hợp đồng Hoán đổi trái phiếu ngày 23 tháng 7 năm 2015. Theo đó, các trái phiếu này được dùng để hoán đổi cho các trái phiếu có tổng mệnh giá 850 tỷ VNĐ đáo hạn vào ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Công ty. Công ty không thu được bất kỳ khoản tiền nào từ việc phát hành trái phiếu hoán đổi này.

Trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất 10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 4%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Tiền lãi được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 17 tháng 2 và ngày 17 tháng 8.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 4.897,5 ha tại tỉnh Attapeu và Sekong, thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp - Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh là công ty con của Công ty tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 8 năm 2015